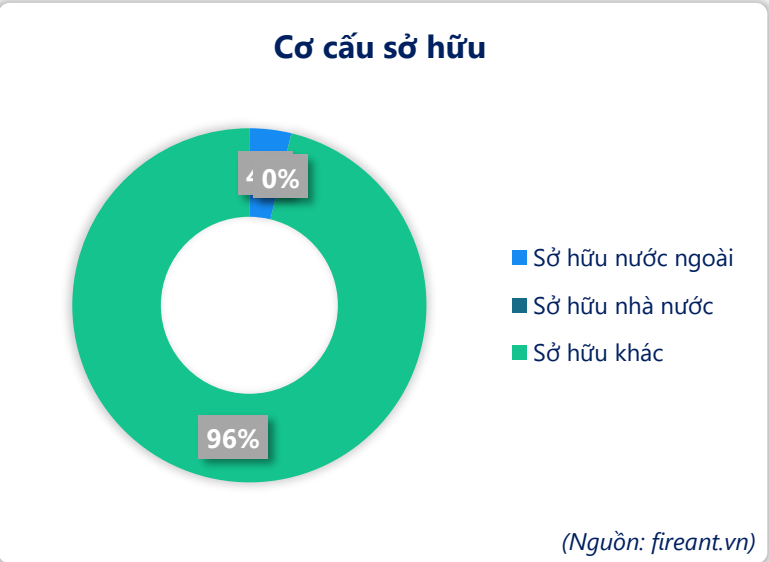
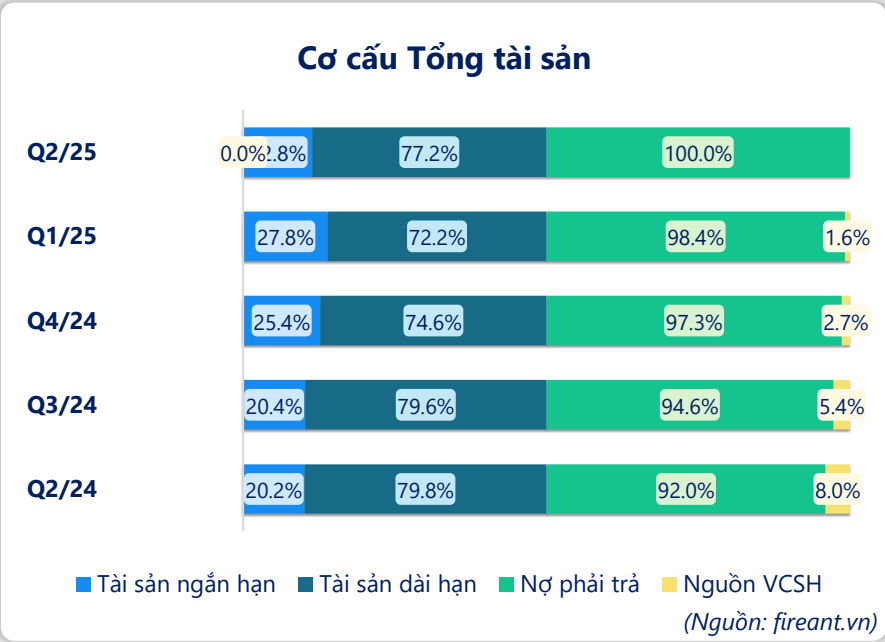
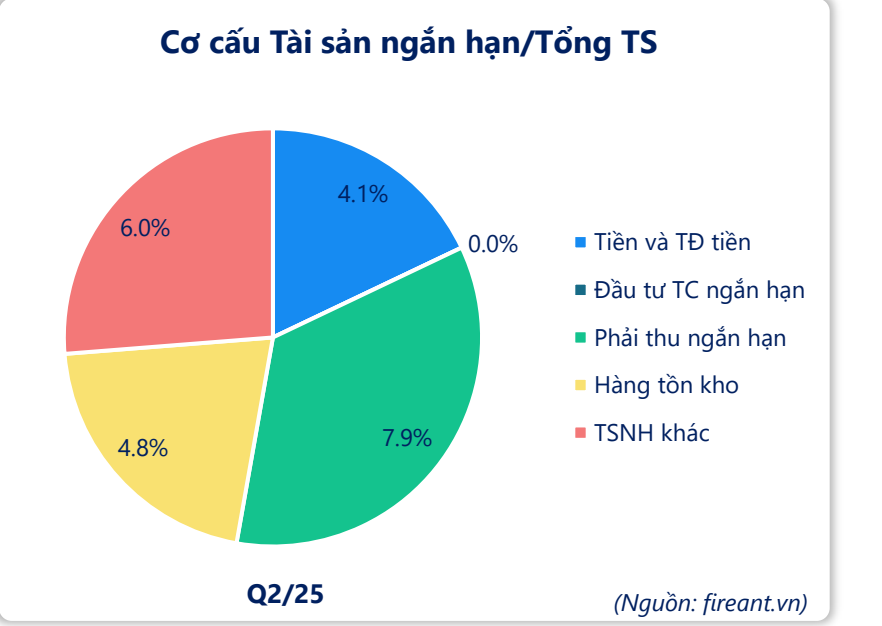
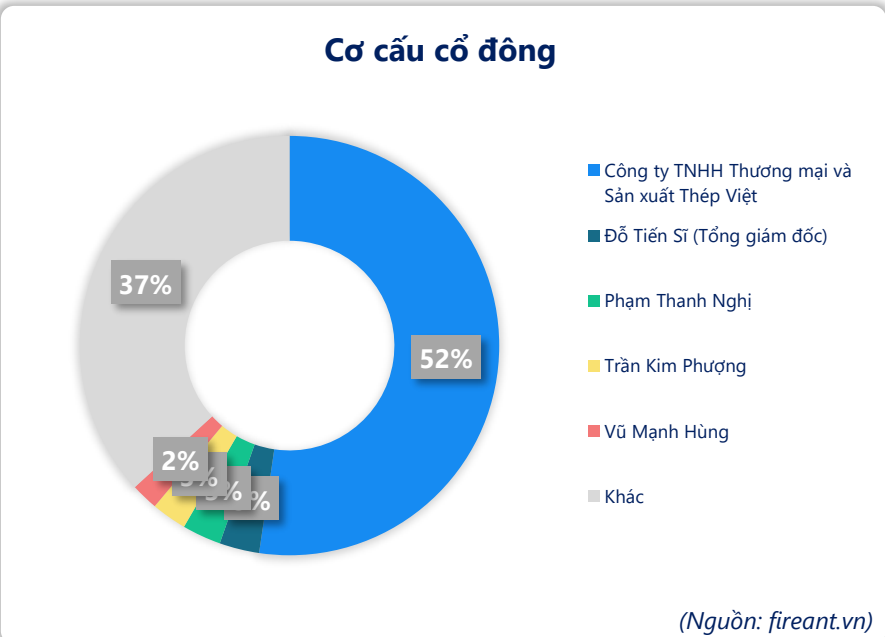
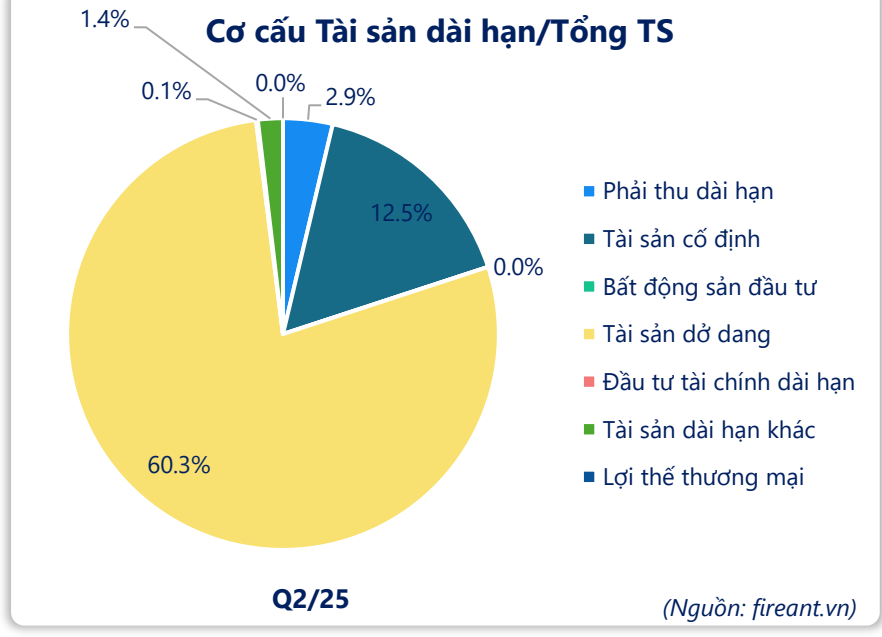
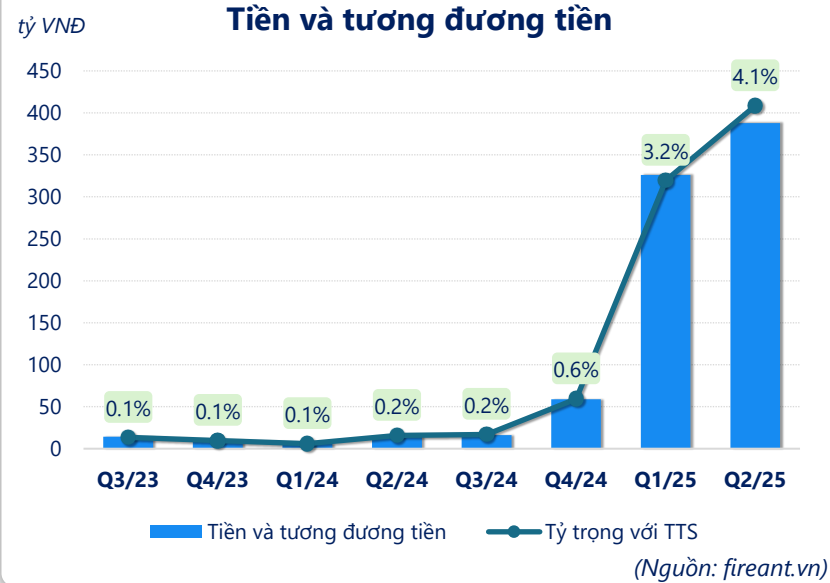
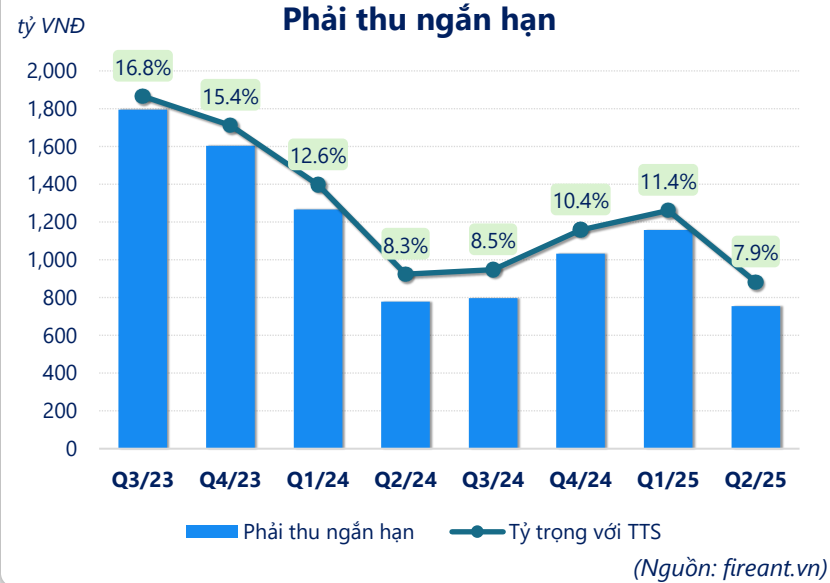
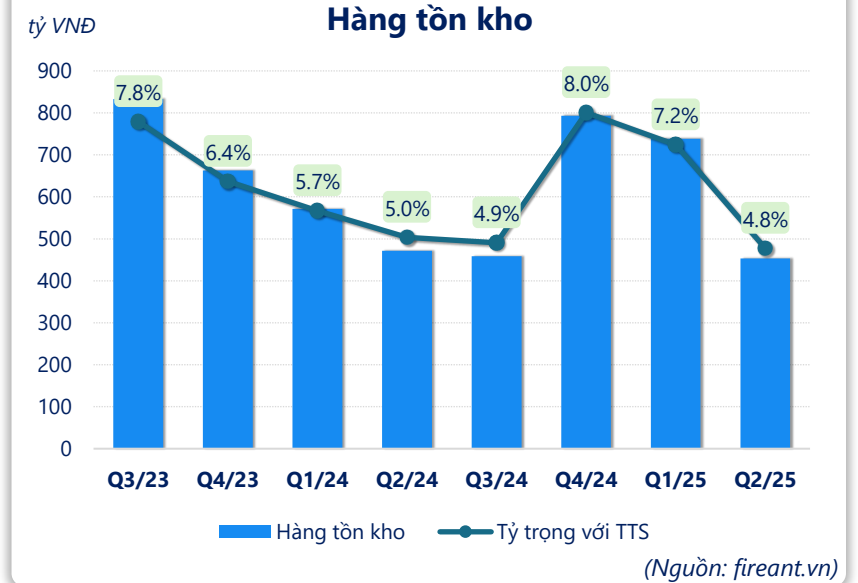
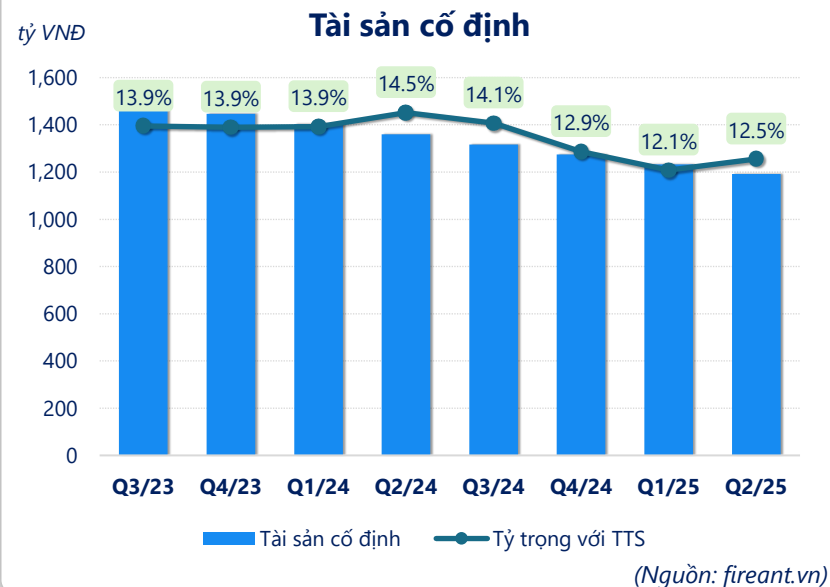
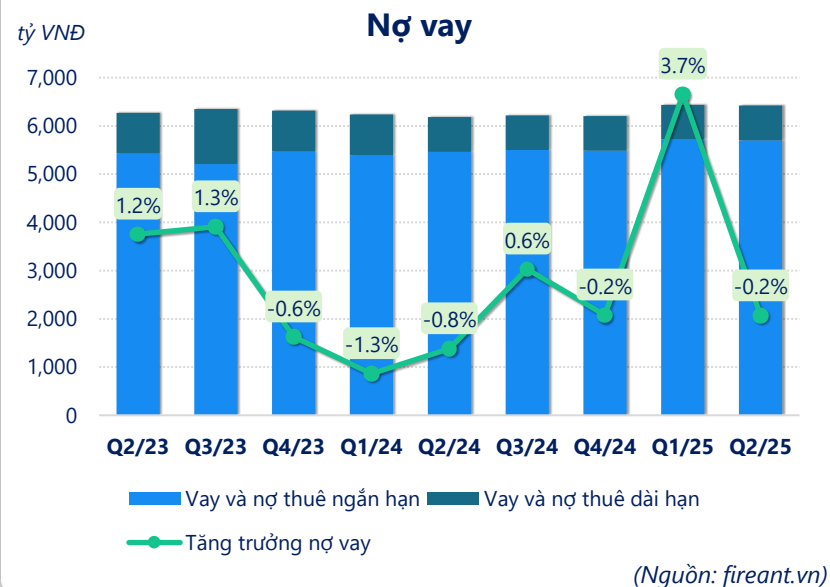
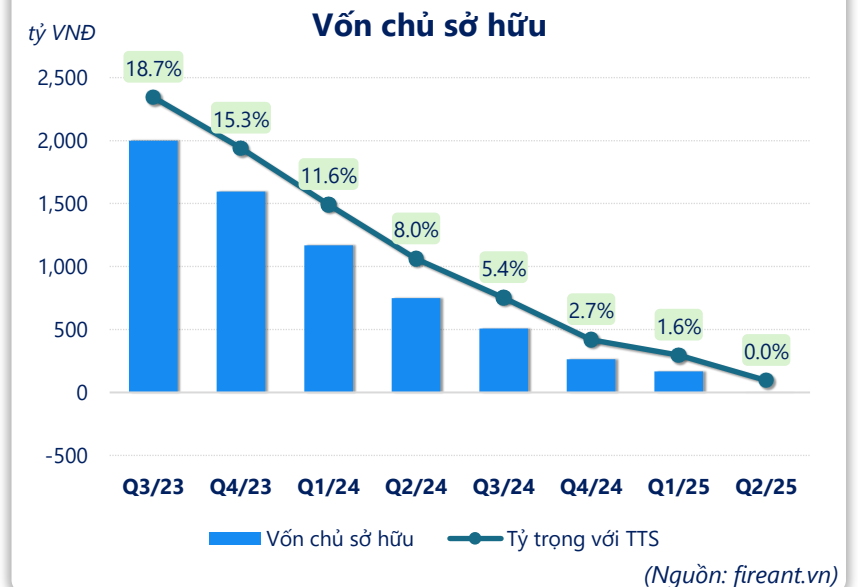
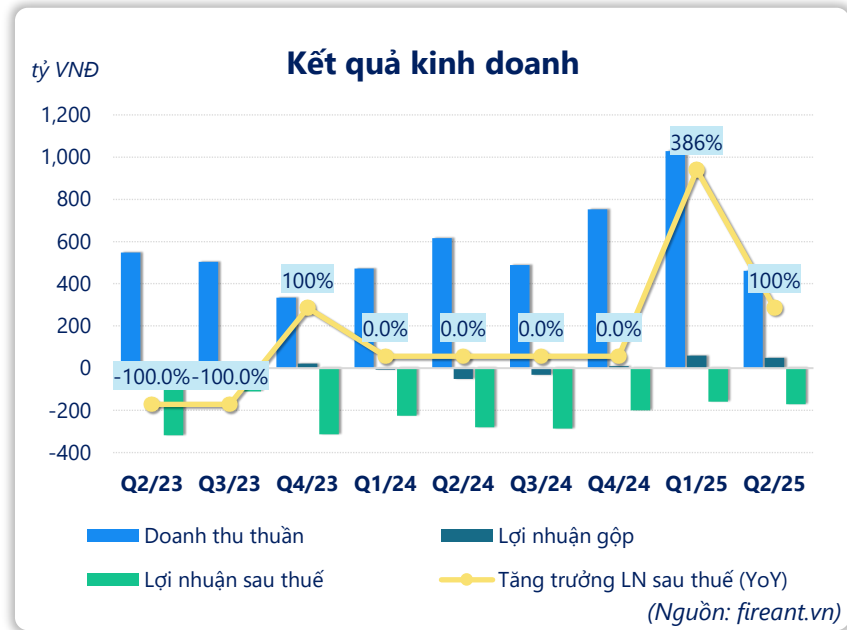
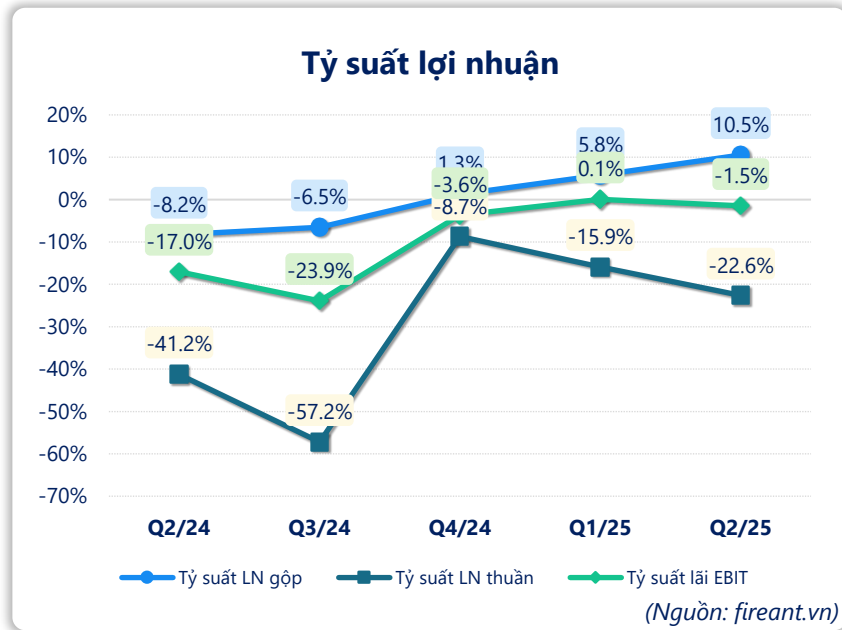
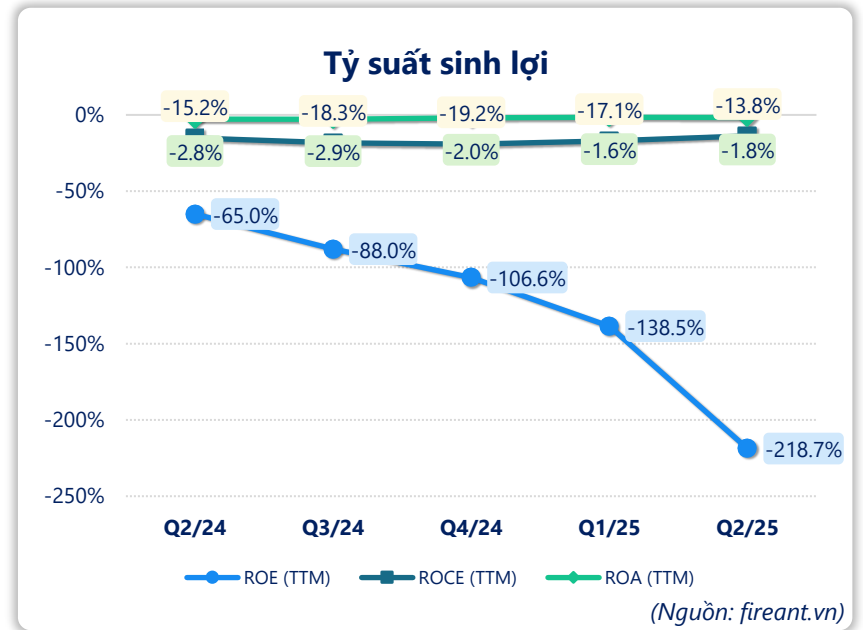
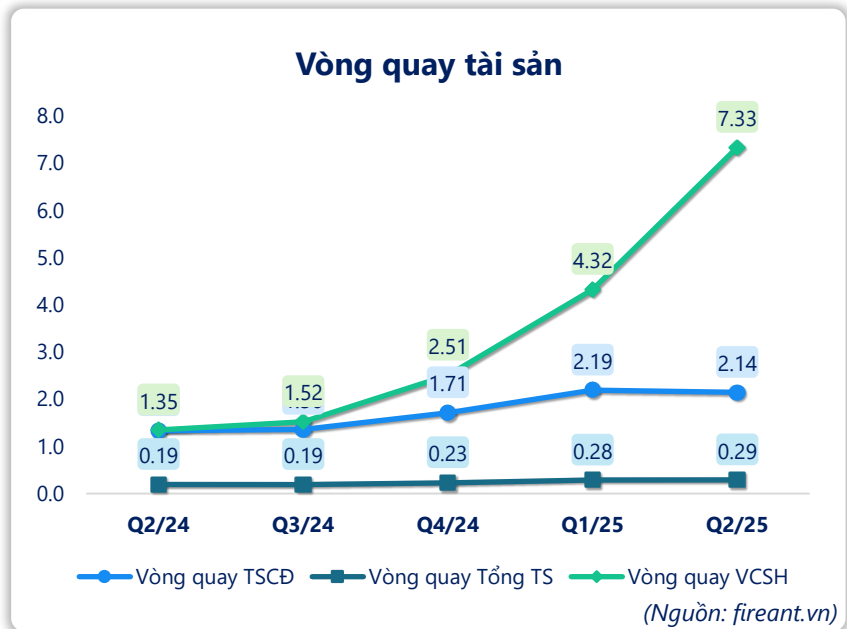
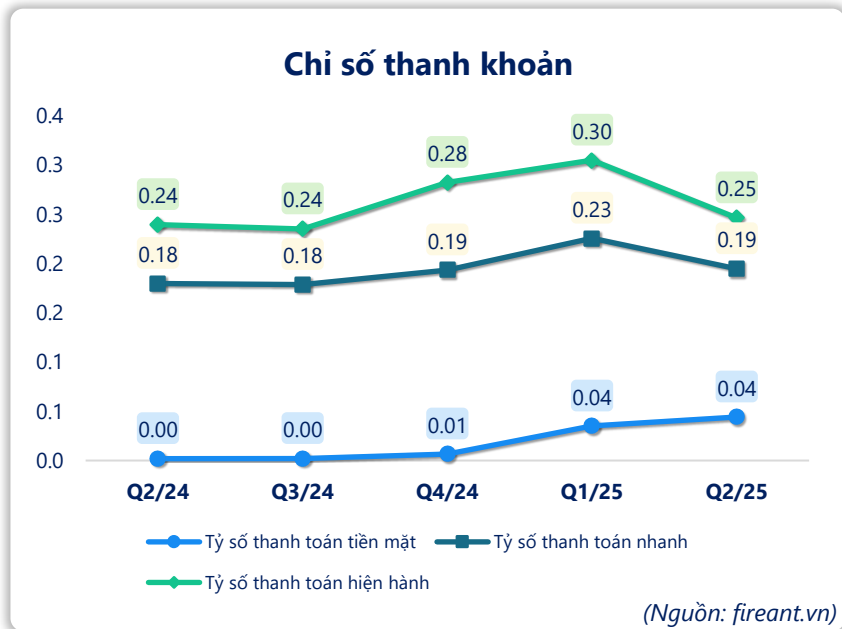
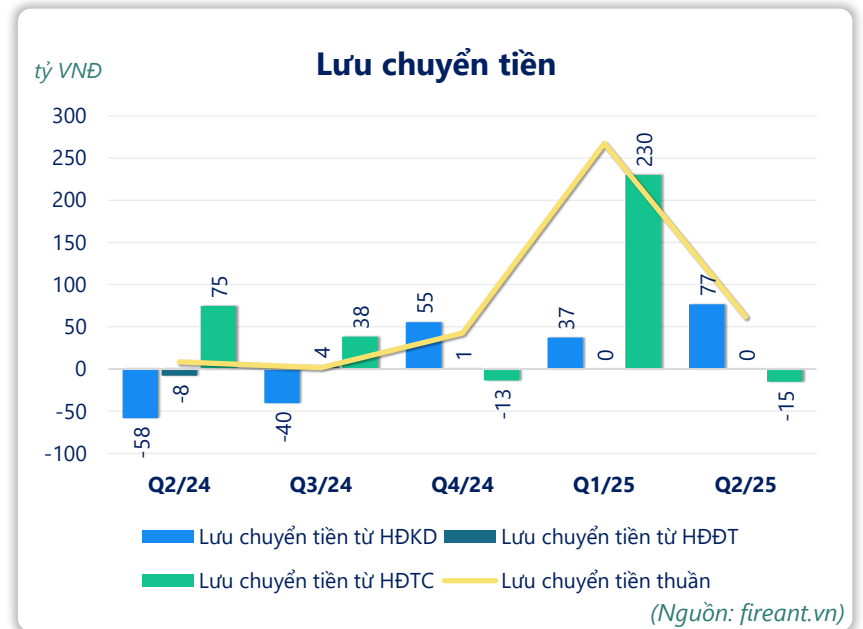


Thông tin giao dịch		30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		1,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		3,100
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		1,400
SL cổ phiếu LH		278,543,546
KLGD BQ 20 phiên (CP)		262,300
% sở hữu nước ngoài		3.8%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		418
P/E		-0.5
EPS		-2,926

	YTD	1T	3T	6T
POM	-31.8%	0.0%	-25.0%	-28.6%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	9,498	9,904	-4.1%
Tài sản ngắn hạn	2,163	2,519	-14.1%
Tiền và tương đương tiền	388	58.8	560%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	754	1,032	-26.9%
Hàng tồn kho	453	793	-42.8%
Tài sản ngắn hạn khác	568	635	-10.6%
Tài sản dài hạn	7,335	7,385	-0.7%
Phải thu dài hạn	272	272	0.0%
Tài sản cố định	1,192	1,274	-6.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	5,724	5,723	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	10.0	10.0	0.0%
Tài sản dài hạn khác	137	106	29.3%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	9,502	9,641	-1.4%
Nợ ngắn hạn	8,783	8,922	-1.6%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	5,701	5,486	3.9%
Phải trả người bán ngắn hạn	1,564	2,331	-32.9%
Nợ dài hạn	719	719	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	719	719	0.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	-4.09	263	-102%
Vốn chủ sở hữu	-4.09	263	-102%
Vốn điều lệ	2,797	2,797	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	616	488	752	1,029	462
Giá vốn hàng bán	667	520	742	969	413
Lợi nhuận gộp	-50.8	-31.9	9.64	59.8	48.7
Doanh thu HĐTC	2.24	7.60	-6.88	0.09	0.41
Chi phí TC	150	206	147	176	165
Chi phí lãi vay	176	169	172	159	163
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	5.22	3.49	0.15	0.38	0.46
Chi phí QLDN	50.5	45.1	-78.5	47.1	-12.2
LN thuần từ HĐKD	-254	-279	-65.4	-163	-104
Lợi nhuận khác	-26.4	-6.82	-135	5.20	-65.8
LN trước thuế	-280	-286	-200	-158	-170
Lợi nhuận sau thuế	-280	-286	-200	-159	-170
LNST của CĐ cty mẹ	-280	-286	-200	-159	-170

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-58.5	-40.3	55.5	37.3	76.7
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-8.00	3.61	0.71	0.06	0.19
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	74.8	38.3	-13.5	230	-15.0
Tiền đầu kỳ	6.04	14.8	16.0	58.8	326
Lưu chuyển tiền thuần	8.29	1.66	42.7	267	61.9
Ảnh hưởng tỷ giá	0.48	-0.48	0.06	0	0
Tiền cuối kỳ	14.8	16.0	58.8	326	388

(Nguồn: fireant.vn)